

Bản án số: 143/ 2018/ HS-ST
Ngày 14 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gia.
2. Ông Hoàng Văn Đích.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Diệu Thanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 145/ 2018/ TLST-HS, ngày 11 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: **DƯƠNG VĂN H**, sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn T (đã chết) và bà: Dương Thị H, sinh năm 1952; vợ: Hà Thị A, sinh năm 1975 và có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001); Gia đình có 05 anh em bị cáo là con thứ 02.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21 tháng 7 năm 2018 đến ngày 30 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

2. Họ và Tên: DƯƠNG VĂN T, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn A (đã chết) và bà: Hà Thị N, sinh năm 1960; vợ: Dương Thị N, sinh năm 1986 và có 03 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017); Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ 02.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

3. Họ và Tên: NGUYỄN VĂN S, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà: Dương Thị B, sinh năm 1937; vợ: Dương Thị L, sinh năm 1969 và có 03 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2002); Gia đình có 05 anh em bị cáo là con thứ 03.

Tiền án: Không.

Tiền sự Ngày 20/6/2016 bị Công an xã Đ xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, S đã nộp phạt được 750.000 đồng còn 750.000 đồng chưa nộp phạt.

Nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 17 tháng 12 ngày về tội: Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

4. Họ và Tên: DƯƠNG ĐÌNH Đ, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Đình K (đã chết) và bà: Đình Thị H, sinh năm 1940; vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2005; Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ 04.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân K xử phạt 27 tháng tù về tội: Cố ý gây thương tích, đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

5. Họ và Tên: VŨ VĂN H1, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Huy T, sinh năm 1960 và bà: Phạm Thị T, sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010); Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ 02.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đào Trọng N, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Xóm R, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người làm chứng:

Anh Lưu Văn T, sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người chứng kiến:

Ông Dương Văn N, sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 20/07/2018, Dương Văn T, Vũ Văn H1; Dương Đình Đ và Nguyễn Văn S đến nhà Dương Văn H để ăn sinh nhật vợ H. Tại đây các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền VND và hỏi ý kiến của H thì H đồng ý cho đánh bạc nhưng đánh dưới bếp. Sau đó H đi xuống bếp lấy chiếu chải dưới nền và chải thảm nỉ màu xanh nên trên chiếu, H tiếp tục lấy 01 đĩa sứ và 100 quân bài chắn đặt xuống chiếu cho mọi người đánh bài. Các đối tượng ngồi xuống chiếu theo vòng tròn bắt đầu là T, ngồi bên tay phải T là Đ, ngồi bên tay phải Đ là S, ngồi bên phải S là H1. Khi các đối tượng đánh bạc có Lưu Văn T, sinh năm: 1973, trú quán xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến và ngồi cạnh Đ để xem. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 23 giờ 40 phút thì bị lực lượng Công an huyện P bắt quả tang lập biên bản thu giữ cùng vật chứng đưa về Công an huyện P làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 100 quân bài chắn; 01 đĩa sù; 01 chiếu cói cũ; 01 thảm nỉ màu xanh cũ; số tiền 11.620.000đồng; 01 vỏ sữa cũ. Thu giữ của Vũ Văn H1 1.850.000đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 01 xe mô tô BKS 20L9 – 9215; Thu giữ của Dương Đình Đ 01 điện thoại Iphone 6 và 01 ô tô BKS 20A-257.22; Thu giữ của Dương Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu LG; Thu giữ trên người Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Neoson xanh và 01 xe mô tô BKS 20F5 – 8621. Thu giữ của Lưu Văn T số tiền 520.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung cũ và 01 xe mô tô BKS 20G1 – 050.07.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Dương Văn H, Dương Đình Đ, Dương Văn T, Vũ Văn H1, Nguyễn Văn S khai nhận như sau: Khoảng 21 giờ Đ, T, H1, S đến nhà H ăn sinh nhật vợ H, khi tất cả đang ngồi uống nước thì có người rủ đánh bạc dưới hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền thì tất cả đều đồng ý và hỏi ý kiến H thì H đồng ý. Tất cả xuống bếp nhà H đánh bài lúc này H trải chiếu, lấy đĩa và 100 quân bài chắn để xuống chiếu cho mọi người đánh còn H đi lên nhà trên để ngủ. Sau đó các đối tượng ngồi theo vòng tròn và đánh. Hình thức đánh chắn như sau: bộ chắn gồm 100 quân bài trong đó có bốn quân chi và mỗi hàng quân vạn, văn, sách, mỗi hàng đều có bốn quân bài từ nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu. Hai người ngồi đối diện chia bài mỗi người thành năm phần chia hết bài bớt lại năm quân bài để trên đĩa. Người không chia bài cầm năm quân bài đưa vào một phần bài rồi rút lấy một quân bài để vào một phần bài bất kì để lấy quân người đánh, phần còn lại để trên đĩa làm nọc, ba phần còn lại có 19 quân bài, phần có 20 quân bài. Người làm cái đánh đầu tiên, sang người ngồi cạnh bên tay phải theo chiều ngược kim đồng hồ. Nếu người bên phải ăn thành chắn là hai quân bài giống nhau như tam vạn và tam vạn hoặc ăn làm cạ hai quân bài khác nhau như tam vạn và tam văn và đánh một quân bài đi cho người ngồi cạnh tiếp bên tay phải của người đó. Cứ tiếp tục như vậy, nếu người không ăn thì mở nọc cho đến khi có người ù tức là sáu chắn, bốn cạ. Khi ù xuống bài thì ba người đánh bạc còn lại phải trả cho người ù số tiền tương ứng với số điểm của cước ù (mỗi điểm phải trả 10.000đồng). T, S, Đ và H1 thống nhất đánh bạc có các cước ù như sau: cước ù sông bằng 2 điểm; cước ù tôm, ù bạch thủ (bài ù có 6 chắn và 4 cạ); ù thông, địa ù, ù có thiên khai, chín ù, ù có chiu và ù chì đều bằng ba điểm; ù lèo (bài có chắn chi chi, cửu vạn, bát sách) đều bằng bốn điểm; ù bạch định (trên bài toàn bộ chắn và cạ màu đen) bằng sáu điểm; ù tám đỏ (trên bài có chắn và cạ 8 quân đỏ) bằng bảy điểm...tương ứng với các lần ù thông, ù tại cửa chì hoặc trên bài có các cước khác nhau được cộng thêm một điểm. Các đối tượng tự thỏa thuận với nhau ai ù tám đỏ và ù bạch định thì tự bỏ ra 10.000đồng vào hộp sữa cũ để khi đánh bạc xong sẽ đưa cho Dương Văn H coi như trả tiền điện, nước.

Lời khai nhận tội Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ là có căn cứ phù hợp với nội dung Biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 144/CT-VKSPB ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố các bị cáo: Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Về trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn S: Khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt S tù 09 tháng 12 tháng tù, Phạt tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Bị cáo Dương Văn T: Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt T tù 09 đến 12 tháng tù. Phạt tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Bị cáo Dương Văn H: Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Phạt H tù 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng. Phạt tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Bị cáo Vũ Văn H1: Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Phạt H1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng. Phạt tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Bị cáo Dương Đình Đ: Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Phạt Đ từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng, Phạt tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 11.620.000đồng thu tại chiếu bạc và số tiền 84.000 đồng trong vỏ hộp sữa. Tiêu hủy 100 quân bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 chiếu cói cũ, 01 thảm nỉ màu xanh cũ, 01 vỏ sữa cũ.

Tạm giữ của Vũ Văn H1 1.850.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Thu giữ của Dương Đình Đ 01 điện thoại Iphone 6; Thu giữ của Dương Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu LG; Thu giữ trên người Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Neoson xanh để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên - Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đã đúng như nội dung cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 20/07/2018, tại nhà bị cáo Dương Văn H, sinh năm 1974 ở Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền VND. Trong đó các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ là người trực tiếp đánh bạc, bị cáo H là người giúp sức cho mượn địa điểm và phương tiện đánh bạc, sau đó hành vi của các bị cáo bị Công an huyện Phú Bình bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 11.620.000đ và vật chứng có liên quan.

Với hành vi trên các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ bị truy tố về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức rõ về tác động của tội phạm do mình gây ra xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm hình sự khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo H có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận bảo lãnh, đồng thời có bố được tặng thưởng Bằng khen; bị cáo T và Đ có bố để được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo S có mẹ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, do đó các bị cáo đều được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhất thời rủ nhau tham gia đánh bạc và giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc một mức án phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do từng bị cáo gây ra, trong đó:

Các bị cáo T và S là người có nhân thân xấu. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng biện pháp cải tạo cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo H, H1, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, Hội đồng xét xử có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo đều được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo, đồng thời nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta và Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Đ, mặc dù bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử bằng một bản án từ năm 2009, tính đến thời điểm phạm tội lần này đã được đương nhiên xoá an tích. Đồng thời bị cáo cũng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết 02 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo, đồng thời nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta và Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền tương ứng với khoản tiền phạt là 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.620.000đ (Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) và 84.000đ (Tám mươi bốn nghìn đồng) thu trên chiếu bạc dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 100 quân bài chắn; 01 đĩa sứ; 01 chiếu cói cũ; 01 thảm nỉ màu xanh cũ; 01 vỏ sữa cũ do các bị cáo làm phương tiện phạm tội không có giá trị sử dụng.

- Tạm giữ tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo sau đây: Tạm giữ của Vũ Văn H1 1.850.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen số imel 56524 máy cũ đã qua sử dụng; Tạm giữ của Dương Đình Đ 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng số imel 32776 máy cũ đã qua sử dụng; Tạm giữ của Dương Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu LG màu trắng số imel 42411 máy cũ đã qua sử dụng; Tạm giữ của Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Neoson xanh số imel 06030 máy cũ đã qua sử dụng.

[6]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của Pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Thông báo quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 47 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với Dương Văn H, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Dương Văn H, Vũ Văn H1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Dương Văn H và Dương Đình Đ.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 47 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Dương Văn T, Nguyễn Văn S.

- Điều 106; khoản 2 Điều 136 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ đều phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt

- Dương Văn H **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 14 tháng 11 năm 2018).

- Dương Văn T **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018.

- Nguyễn Văn S **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018

- Vũ Văn H1 **06** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 14 tháng 11 năm 2018).

- Dương Đình Đ **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 14 tháng 11 năm 2018).

Giao các bị cáo Dương Văn H, Vũ Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Dương Đình Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Gồm: Dương Văn H, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Phạt bổ sung Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ mỗi bị cáo là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.620.000đ (Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) và 84.000đ (Tám mươi bốn nghìn đồng) thu trên chiếu bạc, do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 100 (Một trăm) quân bài chắn; 01 (Một) đĩa sứ; 01 (Một) chiếu cói; 01 (Một) thảm nỉ màu xanh cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) vỏ sữa cũ.

- Tạm giữ tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo sau đây:

Tạm giữ của Vũ Văn H1 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen số imel 56524 máy cũ đã qua sử dụng; Tạm giữ của Dương Đình Đ 01 (Một) điện thoại Iphone 6 màu vàng số imel 32776 máy cũ đã qua sử dụng; Tạm giữ của Dương Văn T 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu LG màu trắng số imel 42411 máy cũ đã qua sử dụng; Tạm giữ của Nguyễn Văn S 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NEOSON xanh số imel 06030 máy cũ đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2018 và ủy nhiệm chỉ số 222 ngày 19/10/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình và Kho bạc nhà nước huyện Phú Bình).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử hình sự sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo (Dương Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H1, Dương Đình Đ) và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đào Trọng N), báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên

